

THAY LỜI TỰA

Trì Thế Bồ Tát có tên Phạn là Àrya Sutàre (Thánh Thiện Cứu Độ) hay Sudhàre (Thiện Trì), Dhàralokajvala (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là Vasudhàra hoặc Vasudhàri (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

Trì Thế có nghĩa là :Tiêu diệt hết thảm tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch... khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế .

Có thuyết cho rằng Trì Thế Bồ Tát (Dhàralokajvala Bodhisatva) là hóa thân của Bảo Sinh Như Lai (Ratnasambhava Tathàgata) . Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya).

_ Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát được ghi nhận là:



Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyên, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu) , tay trái tác thế Dữ Nguyện . Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị Long Vương (Nàgaraja) :Một vị dùng tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên** (Mahà Jaya Deva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng , hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp Suất Đổ Ba (Stùpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chấp tay hướng về Đại Thắng Thiên

_ Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là:



Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mào, thân khoác áo lụa mỏng, trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyên châu báu...

_ Theo truyền thống Hoa Văn: **Trì Thế Đà La Ni Pháp** còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**. Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1_ **Trì Thế Đà La Ni Kinh** (Vasudhàrà dhàraṇi sutra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni Kinh** do ngài Đại Quang Trí **BÁT KHÔNG** dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tát Đàn đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669) . Ngoài ra bản dịch của ngài **BÁT KHÔNG** có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài **PHÁP THIÊN** dịch vào đời Tống.

4_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài **THI HỘ** dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài **NGHĨA TỊNH** đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp**.

_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ **DA (𑖂)** mang nghĩa “*Thí Dữ* (ban cho) *bất khả đắc*” biểu thị cho việc *ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh*

_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu . Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích** . Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vắn lóng trên của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng lóng giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trở.

Chân Ngôn của Ấn trên là:

Căn Bản Chú :

OM VASUDHÀRI SVÀHÀ

Tâm Chân Ngôn:

OM ‘SRÌ VASU SVÀHÀ

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

OM VASU SVÀHÀ

_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:

Biệt Hạnh Pháp ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba

Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong

Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.

Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi , an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)

_ Bài **Tán Thán Bồ Tát** là:

KAMALA MUKHE

KAMALA LOCANA

KAMALÀSANA

KAMALA HASTA

KAMALA BHAMUNI

KAMALA KAMALASAMBHAVA

KAMALA KṢARA

NAMOSTUTE

Kinh ghi: *“Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thủy bệnh dịch, nạn đốt khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dần Phước Tuệ, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề”*

Một số Kinh bản khác thì ghi nhận Chân Ngôn của Trì Thế là:

.) Địa Thiên Pháp Ấn Chú:

OM VASUDHÀRI DHÀNADÀYA PRABHARATNI SVÀHÀ

(Nếu thường tụng Chú này , cúng dường **Địa Thiên** (Pṛthivi Devi) sẽ được các thứ trân bảo)

.) Riêng Ấn Độ thì lưu truyền câu Chú là:

OM ‘SRÌ VASUDHÀRA RATNA NIDHÀNA KASHETRI SVÀHÀ

Nay dựa theo Kinh Tạng , tôi xin phiên dịch lại 4 Kinh bản trên với mục đích giúp cho người đang tìm hiểu Mật Giáo có tài liệu nghiên cứu. Trong phần dịch thuật, tôi phối hợp hai bản Tán Đàn của ngài HUYỀN TRANG và ngài BÁT KHÔNG để tái tạo lại bài Phạn Chú của Bồ Tát Trì Thế kèm theo nghĩa thú cơ bản. Ngoài ra tôi chèn thêm một số văn tự Tán Đàn vào các Kinh bản nhằm giúp cho người đọc dễ tham khảo. Lẽ tất nhiên, công việc này còn nhiều khiếm khuyết nên tôi chân thành cầu xin các bậc Đại Đức, chư vị Long Tượng của Mật Giáo hãy rủ lòng Từ Bi giúp cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Pháp Quang**, Thầy **Thích Quảng Trí** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Đầu mùa Đông năm Bính Tuất (2006)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi